

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 43/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022.

### **XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

\* *Nguyên đơn:* Anh **Đinh Minh A** – sinh năm 1999

Địa chỉ: SN 245/9, Ấp A, xã A1, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

\* *Bị đơn:* Anh **Trần Anh T** – sinh năm 1981

Chị **Nguyễn Thị B** – sinh năm 1983

HKTT: ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang

Địa chỉ: số 64 Khu phố A, thị trấn H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

#### **2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1** Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của anh **Đinh Minh A** và vợ chồng anh **Trần Anh T** chị **Nguyễn Thị B** về việc hiện nay vợ chồng anh **Trần Anh T** chị **Nguyễn Thị B** còn nợ của anh **Đinh Minh A** số tiền gốc là 275.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

#### **2.2** Các đương sự thống nhất cách trả nợ như sau:

- Ngày 30 tháng 3 năm 2022 (DL) vợ chồng anh **Trần Anh T** chị **Nguyễn Thị B** trả cho anh **Đinh Minh A** số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

- Ngày 30 tháng 4 năm 2022 (DL) vợ chồng anh **Trần Anh T** chị **Nguyễn Thị B** trả cho anh **Đinh Minh A** số tiền là 225.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng*) là dứt nợ.

Trong thời gian trả nợ nếu vợ chồng anh Trần Anh T chị Nguyễn Thị B vi phạm một trong các lần trả nợ thì anh Đinh Minh A có quyền yêu cầu anh Trần Anh T chị Nguyễn Thị B trả toàn bộ số tiền còn nợ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**2.3 Về án phí:**  $275.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 13.750.000 \text{ đồng}$  (*Mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Hòa giải thành các đương sự chịu 50% án phí. Các đương sự thỏa thuận:

Vợ chồng anh Trần Anh T chị Nguyễn Thị B nộp số tiền là 3.437.500 đồng (*Ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Anh Đinh Minh A nộp số tiền là 3.437.500 đồng (*Ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006263 ngày 01/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Anh Đinh Minh A còn được nhận lại số tiền là 3.440.500 đồng (*Ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn năm trăm đồng*) theo lai thu nói trên.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm Phán**

**Trần Thị Ngọc Ái**